

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

1 – Thông tin khái quát về công ty:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Sông Đà 7.02**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 5400232452 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 25/11/2004, thay đổi lần thứ 18 do Sở KHĐT tỉnh Lai Châu cấp ngày 12/9/2018.
- Vốn điều lệ Công ty: 120 tỷ đồng
- Địa chỉ: xã Sơn Bình – huyện Tam Đường – tỉnh Lai Châu
- Điện thoại liên lạc: 0213.6506868
- Website: songda702.com.vn

2 – Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước chuyên đổi sang công ty cổ phần từ năm 2004 theo Quyết định số 1575/QĐ-BXD ngày 11 tháng 10 năm 2004 của Bộ xây dựng.

Ngày 5/11/2009 Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 hợp nhất với Công ty cổ phần thủy điện Nậm Thi thành Công ty cổ phần thủy điện Nậm Thi – Sông Đà 7, đến 28/04/2011 Công ty đổi tên lại thành Công ty cổ phần Sông Đà 7.02. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, xây dựng dân dụng, ... Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 hiện là chủ đầu tư cụm dự án Công trình thủy điện Nậm Thi (18MW) tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Công ty được xếp hạng Doanh nghiệp loại II tháng 2 năm 2010, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Ngành nghề truyền thống là xây dựng thủy điện, xây dựng dân dụng và công nghiệp, sản xuất đá dăm, cát nhân tạo, sản xuất vữa bê tông, các loại VLXD khác.

Hiện tại Công ty đã đầu tư xây dựng xong Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2, công suất 8MW, đưa vào vận hành phát điện thương mại từ tháng 7/2018. Công ty đang tiếp tục đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 công suất 10 MW (Trong cụm dự án thủy điện Nậm Thi).

Thời điểm được chấp thuận trở thành công ty đại chúng: ngày 02/06/2010 theo công văn số 1611/UBCK-QLPH của UBCKNN

3 - Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, thông tin, đường dây và trạm biến áp đến 500KV, hầm lò, đường hầm, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật. Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Khoan phun, khoan phụt, gia cố nền móng, địa chất công trình)
- Đầu tư sản xuất kinh doanh điện năng
- Khai thác đá
- Khai thác cát sỏi
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành điện
 - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
 - Trồng rừng và cây dược liệu, nuôi trồng thủy sản
 - Xây dựng và kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao
 - Vận hành và kinh doanh các dịch vụ phục vụ tòa nhà, văn phòng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (bằng phương pháp khoan, nổ mìn)
 - Chế biến nông lâm sản, Sản xuất giấy
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Sản xuất, gia công lắp đặt các sản phẩm cơ khí điện
 - Hoạt động dịch vụ tài chính (đầu tư tài chính, ủy thác đầu tư)
 - Giám sát thi công công trình xây dựng

4 - Tình hình hoạt động:

- Từ năm 2004 trở về trước là một Chi nhánh trực thuộc Công ty xây dựng Sông Đà 7 hoạt động SXKD chủ yếu là giao nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, đường giao thông.

- Từ năm 2005 đến nay Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh khai thác sản xuất vật liệu xây dựng, và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ.

5 – Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của công ty

5.1 - Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian cách nhau không quá 15 tháng giữa hai kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

5.2 - Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 có 03 thành viên, nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 5 năm.

5.3 - Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ là 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty.

5.4 - Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 năm 2019 gồm có 02 thành viên, trong đó có Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm.

5.5 - Phòng Tài chính – kế toán

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- ✓ Công tác tài chính, tín dụng;
- ✓ Công tác kế toán, thống kê;
- ✓ Thông tin tài chính kinh tế;

5.6 - Phòng kỹ thuật chất lượng

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- ✓ Công tác xây dựng, quản lý kế hoạch;
- ✓ Công tác quản lý đầu tư;
- ✓ Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công;
- ✓ Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- ✓ Công tác thi công, an toàn;
- ✓ Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật và sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- ✓ Công tác quản lý vật tư, phụ tùng;
- ✓ Công tác quản lý cơ giới;

5.7 - Phòng Kinh tế tổng hợp

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- ✓ Công tác xây dựng, quản lý kế hoạch, đơn giá kinh tế;
- ✓ Công tác quản lý kinh tế;
- ✓ Công tác quản lý đầu tư;
- ✓ Công tác tổ chức, đào tạo;
- ✓ Chế độ, chính sách với người lao động;
- ✓ Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- ✓ Công tác văn phòng, hành chính, đời sống;

5.8 - Phân xưởng sản xuất Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2

Bộ phận quản lý phân xưởng sản xuất Nhà máy Nậm Thi 2 có trách nhiệm quản lý điều hành sản xuất phát điện thương mại, đảm bảo vận hành an toàn của nhà máy.

- ✓ Tiếp nhận, quản lý vận hành hệ thống Nhà máy để sản xuất điện năng theo kế hoạch sản xuất điện năng được HĐQT Công ty phê duyệt.
- ✓ Trực tiếp liên hệ với Trung tâm Điều độ điều độ Miền Bắc (A1) theo Quy trình phối hợp vận hành giữa Nhà máy và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia.
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc Công ty giao.

6 - Định hướng phát triển.

Ngoài việc phát huy và giữ vững ngành nghề truyền thống là xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng, Công ty đang chuyển hướng đầu tư dài hạn xây dựng các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước cũng như sự phát triển bền vững của Công ty.

7 - Rủi ro:

Trong tình hình khủng hoảng của nền kinh tế như hiện nay, Công ty phải đối mặt với rất nhiều những khó khăn và thách thức:

Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm phải cạnh tranh rất khó khăn, trong khi tiềm năng công việc trong lĩnh vực ngành nghề truyền thống của đơn vị đang bị thu hẹp.

Việc thanh toán KLXL hoàn thành từ các chủ đầu tư mà đơn vị nhận thầu thi công rất khó khăn do thiếu vốn thanh toán cho các nhà thầu, do vậy đơn vị cũng bị chiếm dụng vốn rất lớn, phát sinh các khoản chi phí tài chính không đáng có.

Việc đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ hiện nay tương đối khó khăn, các thủ tục hồ sơ pháp lý, phê duyệt đánh giá và cấp phép rất chậm, công tác đền bù giải phóng mặt bằng luôn phát sinh rất lớn và kéo dài, ... dẫn đến xuất đầu tư lớn và chậm tiến độ so với kế hoạch.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 – Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	43.197.402	36.899.476	85,4%
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	39.648.424	32.218.360	81,3%
3	Lợi nhuận	10 ³ đ			
	- Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	(1.754.000)	(8.413.865)	
	- Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	(1.754.000)	(8.413.865)	
4	Cổ tức	10 ³ đ	0%	0%	
5	Giá trị đầu tư	10 ³ đ	4.297.668	27.905.426	

Năm 2019 đơn vị chỉ quản lý vận hành phát điện thương mại Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (công suất 8 MW) tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và thu hồi vốn tại các công trình đã thi công dở dang, không mở rộng các hoạt động sản xuất xây lắp và kinh doanh khác.

Công tác đầu tư xây dựng dự án nhà máy Nậm Thi 1 (10MW) đang phải tạm dừng để đánh giá tác động môi trường rừng theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban bí thư TW Đảng, do có một phần nhỏ diện tích đất lòng hồ là đất có rừng. Dự án đã triển khai được một số hạng mục công việc, với giá trị đầu tư xây dựng dở dang gần 25 tỷ đồng .

1.2/ Tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm trước

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	& TH/KH năm	Thực hiện so với năm trước
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	17.938.508	36.899.476	85,4%	
2	Doanh thu	10 ³ đ	16.095.260	32.218.360	81,3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	(2.479.414)	(8.413.865)		
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	(2.479.414)	(8.413.865)		
5	Mức cổ tức	%	0	0		
6	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	8.827	11.945		

Năm 2019 đơn vị đã tổ chức định biên lại ổn định bộ máy quản lý và phân xưởng sản xuất vận hành nhà máy Nậm Thi 2 gọn nhẹ hơn, đảm bảo hiệu quả công việc. Trong khi Dự án nhà máy Nậm Thi 1 phải tạm dừng đầu tư, một số CBCNV đã được điều chuyển công việc khác.

2 – Cơ cấu tổ chức của công ty:

2.1/ Hội đồng quản trị: 03 người

- Ông Nguyễn Văn Bút - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Hữu Doanh - Thành viên (Bầu bổ xung tháng 9/2018 thay thế ông Nguyễn Xuân Đức xin chuyển công tác)
- Ông Phạm Văn Toàn - Thành viên

2.2/ Ban kiểm soát: 03 người

- Ông Ngô Quốc Thế - Trưởng ban

- Ông Lê Danh Độ - Thành viên
- Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên

2.3/ Ban Tổng giám đốc: 01 người

- Ông Phạm Văn Toàn - Phó tổng giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 10/9/2018)

3 – Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành Công ty.

3.1/ Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Văn Bút

- Họ và tên : Nguyễn Văn Bút
 Ngày sinh : 01/9/1958
 Nơi sinh : Văn Phú – Thường Tín – Hà Tây
 Số CMND : 113389811 do công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29/3/2007
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Đô thị Xa La – Phúc La – Hà Đông – Hà Nội.
 Điện thoại : 0982047865
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy.
 Quá trình công tác :
- ✓ 1985 – 1986 : Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty Sông Đà 7
 - ✓ 1987 – 1989 : Phó quản đốc phân xưởng bê tông
 - ✓ 1990 – 1993 : Phó giám đốc Xí nghiệp
 - ✓ 1994 – 2001 : Trưởng phòng Quản lý cơ giới – Công ty Sông Đà 7
 - ✓ 2002 – 6/2013 : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.
 - ✓ 7/2013 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.066.415 cổ phần.
 • Sở hữu cá nhân : 7.200 cổ phần.
 • Được ủy quyền đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 7: 2.059.215 cổ phần.

b) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Hữu Doanh

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Doanh
 Giới tính: Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 03/9/1968
 Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Căn cước công dân: 001068013252 Cấp ngày 14/03/2018
 Nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 024.666.80228.
 Trình độ văn hóa: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
 Quá trình công tác:
- ✓ Từ 07/1987 - 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 01/1995 - 12/1996: Công ty XD Sông Đà 8 - Tổng công ty XD Sông Đà

- ✓ Từ 03/1997 - 06/2002: Học đại học Xây dựng
- ✓ Từ 07/2002 - 01/2004: Đội trưởng đội Xây lắp số 1 - Công ty XD Sông Đà 7
- ✓ Từ 02/2004 - 12/2007: Giám đốc XN Sông Đà 7.04 - Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ 01/2008 - 7/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ Từ 8/2010 - 5/2012: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- ✓ Từ 5/2012 - 04/2016: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ 5/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông

Đà 7

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.014.584 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 14.584 cổ phần.
 - Được ủy quyền đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 7 : 1.000.000 cổ phần (Cổ đông lớn)
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

c) Thành viên HĐQT - Ông Phạm Văn Toàn

Họ và tên : Phạm Văn Toàn
 Ngày sinh : 23/02/1985
 Nơi sinh : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định
 Số CCCD : 036085006581 - Do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Cấp ngày 11/3/2003
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 18/47 Trung Hành 6, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : 0989207092
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác :

- ✓ 3/2008 - 12/2010 : Kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
- ✓ 01/2011 - 12/2011 : Phó trưởng ban kỹ thuật Công ty CP tư vấn Sông Đà.
- ✓ 01/2012 - 2/2014 : Trưởng ban kỹ thuật Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
- ✓ 3/2014 - 9/2014 : Kỹ thuật phòng công nghệ Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- ✓ 10/2014 - 8/2016 : Phó phòng kỹ thuật phòng công nghệ Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ 10/2014 - 8/2016 : Phó phòng kỹ thuật phòng công nghệ Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ 9/2016 - 9/2018 : Thành viên HĐQT kiêm phó GD Công ty CP Sông Đà 7.02
- ✓ 9/2018 - nay : Tổng giám đốc CP Sông Đà 7.02, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.000 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
 - Được ủy quyền đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 7 : 1.000.000 cổ phần (Cổ đông lớn).

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

3.2/ Ban Kiểm soát

a) Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Ngô Quốc Thế

Họ và tên : Ngô Quốc Thế
Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 03/3/1981
Nơi sinh : Trảng An, Bình Lục, Hà Nam.
Số CMND : 012172224 cấp ngày 29/3/2014 tại Hà Nội.
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Trảng An, Bình Lục, Hà Nam.
Địa chỉ thường trú : Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.
Điện thoại cơ quan : 0963054781
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán.
Quá trình công tác :

- ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;
- ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ Từ 01/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.04

Số lượng cổ phần nắm giữ : 131 cổ phần.

• Sở hữu cá nhân : 131 cổ phần.

• Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát - Ông Lê Danh Độ.

Họ và tên : Lê Danh Độ.
Giới tính : Nam.
Ngày sinh : 22/4/1984.
Nơi sinh : Hà Nội.
Số CMND : 111839736 – cấp ngày 26/10/2007 – CA Hà Nội
Dân tộc : Kinh.
Quốc tịch : Việt Nam.
Quê quán : Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội
Địa chỉ thường trú : Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội
Điện thoại : 0972999550
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác :

- ✓ 01/2008 – 5/2015: Công tác tại Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ 6/2015 – nay: Trưởng phòng kinh tế Công ty cổ phần Sông Đà 7; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Công ty mẹ : 0 cổ phần.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

c) Thành viên Ban kiểm soát - Ông Nguyễn Cao Sơn

Họ và tên : Nguyễn Cao Sơn
 Giới tính : Nam.
 Ngày sinh : 30/8/1982.
 Nơi sinh : Phúc Thọ - Hà Nội.
 Số CMND : 111631612 - cấp ngày 25/4/2014 tại Hà Nội.
 Dân tộc : Kinh.
 Quốc tịch : Việt Nam.
 Quê quán : Thiều Xuân – Viên Sơn – Sơn Tây – Hà Nội.
 Địa chỉ thường trú : Thiều Xuân – Viên Sơn – Sơn Tây – Hà Nội
 Điện thoại cơ quan : 0981383863
 Trình độ văn hóa : 12/12.
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi, Thạc Sĩ xây dựng công trình thủy.
 Quá trình công tác :

- ✓ 07/2005 – 9/2010: Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang
- ✓ 9/2010 – 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật thi công BĐH thủy điện Lai Châu
- ✓ 11/2011 – 5/2015: Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ – Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ 6/2015 – nay : Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ – Công ty cổ phần Sông Đà 7; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Công ty mẹ : 0 cổ phần.

3.3/ Ban Tổng giám đốc:

Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Toàn (Thành viên HĐQT kiêm TGD)

3 – Thay đổi Ban lãnh đạo điều hành trong năm 2019.

Năm 2019 không có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành Công ty

5 – CBCNV của Công ty năm 2019 và chế độ chính sách cho người lao động:

Năm 2019 Công ty cơ cấu sắp xếp bộ máy quản lý để quản lý và điều hành công tác đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi phù hợp với yêu cầu công việc, sau khi hoàn thành xây dựng nhà máy Nậm Thi 2 đã định biên và cho CBCNV điều chuyển công tác, tổng số CBCNV đến cuối năm là 20 người.

Công ty đã sắp xếp công việc và giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và quy định của đơn vị đã đề ra.

6 – Tình hình thực hiện đầu tư:

Năm 2019 Công ty đang quản lý vận hành phát điện thương mại Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (công suất 8MW) tại huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu. Công ty đang tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Thi 1, có công suất 10MW, các công việc đang được triển khai thi công bao gồm: Đền bù giải phóng mặt bằng; Hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý, Thi công một số hạng mục công trình phụ trợ, ... Hiện tại dự án đang phải tạm dừng để đánh giá tác động môi trường rừng theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban bí thư TW Đảng, do một phần nhỏ diện tích đất lòng hồ là đất có rừng.

Sau khi kiểm tra đánh giá tác động môi trường của các cơ quan, Bộ ngành chức năng liên quan, ngày 11 tháng 11 năm 2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã có Văn bản gửi Thủ tướng chính phủ đề nghị cho chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng của Dự án Nậm Thi 1 để dự án được tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng.

7 – Danh sách và cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

7.1/ Danh sách cổ đông và số lượng cổ phần nắm giữ:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	Số ĐKKD	SLCP nắm giữ	GIÁ TRỊ (1000 VNĐ)	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Xã Ít Ong – huyện Mường La – Sơn La	5400105091	4.177.406	41.774.060	34,8%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Thị trấn Ít Ong – huyện Mường La – Sơn La	5500296523	4.080.000	40.800.000	34,0%
3	CTCP Thủy điện Cao nguyên – SD7	Xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, Lâm Đồng	5800519428	1.920.000	19.200.000	16,0%
4	Các cổ đông khác			1.822.594	18.225.940	15,2%
	TỔNG CỘNG			12.000.000	120.000.000	100%

7.2/ Cơ cấu cổ đông Công ty:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
1	Cổ đông trong nước	490	12.000.000	120.000.000.000	100 %
	- Tổ chức	03	10.177.406	101.774.060.000	84,8 %
	- Cá nhân	487	1.822.594	18.225.940.000	15,2 %
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0 %
	- Tổ chức	0	0	0	0 %
	- Cá nhân	0	0	0	0 %

TỔNG CỘNG	630	12.000.000	120.000.000.000	100%
------------------	------------	-------------------	------------------------	-------------

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2019 Công ty tập trung vào các công việc chính là:

+ Tập trung công tác quản lý vận hành phát điện thương mại nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 – công suất 8MW tại huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu, đảm bảo hiệu quả và an toàn. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý để đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 – công suất 10MW khi có quyết định chính thức việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng.

+ Tập trung công tác thu hồi vốn tại các công trình đơn vị đã nhận thầu thi công xong và bàn giao các công trình thủy điện Bàn Chát, thủy điện Sừ Pán II, không triển khai nhận thầu các công việc xây lắp khác.

Nhìn chung trong năm 2019 đã hoàn thành tốt mục tiêu đặt ra là quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 an toàn và tiết kiệm, hoàn thiện các thủ tục pháp lý cho Dự án Nậm Thi 1 để tiếp tục đầu tư xây dựng.

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 như sau:

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019.

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019			
			KH	KH(Đ/C)	TH	%HT
A	Sản xuất kinh doanh					
I	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	43.197.402		36.899.476	85,4%
	Giá trị xây lắp	10 ³ đ				
	Sản xuất điện thương mại	10 ³ đ	43.197.402		36.899.476	
	Giá trị ngoài xây lắp	10 ³ đ	0		0	
	Hoạt động tài chính & hoạt động khác	10 ³ đ	0		31.529	
II	Doanh thu thuần	10 ³ đ	39.648.424		32.218.360	81,3%
III	Lao động và tiền lương					
	Tổng số CBCNV	Người	26		20	
	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 ³ đ	12.500		11.945	
IV	Các khoản nộp Nhà nước	10 ³ đ	5.000.000		5.520.501	
V	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	(1.754.000)		(8.413.865)	
B	Công tác đầu tư	10 ³ đ	4.297.668		27.905.426	
C	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ		%	0	0	

2. Tình hình thực hiện kế hoạch:

a. Xây lắp và sản xuất công nghiệp:

Kế hoạch năm 2019 không thực hiện công tác nhận thầu xây lắp và sản xuất công nghiệp, chỉ quyết toán khối lượng xây lắp dở dang còn lại tại các công trình nhận thầu.

b. Sản xuất kinh doanh khác và các khoản thu nhập khác:

- Kế hoạch: 0 đồng

- Thực hiện: 0 tỷ đồng

c. Công tác đầu tư:

*** Thực hiện đầu tư:**

- Kế hoạch: 4,3 tỷ đồng

- Thực hiện: 27,9 tỷ đồng

*** Đánh giá tình hình thực hiện**

Năm 2019 Công ty tập trung công tác quyết toán đầu tư dự án Nậm Thi 2, đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng dự án Nậm Thi 1.

*** Đánh giá chung:**

Nói chung công tác điều hành, quản lý và thực hiện đầu tư của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu công việc theo kế hoạch đã đề ra.

- Công tác quản lý vận hành phát điện thương mại nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm được chi phí quản lý vận hành.

- Các công việc chuyên môn đã được các bộ phận chủ động hoàn thành theo lĩnh vực trách nhiệm đã được phân công, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Thực hiện đúng các quy chế quản lý của Nhà nước, quy định của nội bộ.

- Thực hiện công tác báo cáo, phân tích kết quả hoạt động SXKD hàng quý làm cơ sở cho công tác điều hành quản lý kịp thời, tương đối chính xác và cụ thể.

- Công tác hạch toán kế toán đảm bảo theo qui định và đáp ứng công tác quản lý theo yêu cầu của đơn vị.

Mặc dù vậy vẫn còn tồn tại chưa được giải quyết dứt điểm:

- Công tác thanh quyết toán thu hồi vốn tại các công trình nhận thầu thi công còn chậm do chủ đầu tư không có nguồn thanh toán, việc thay đổi nhân sự và chuyển công tác của các CBCNV dẫn đến một số công việc thanh quyết toán dở dang tại các công trình, hồ sơ nghiệm thu thanh toán hoàn thiện chậm, một số công việc chưa giải quyết dứt điểm để phục vụ tốt công tác quyết toán và thu hồi vốn.

- Công tác đầu tư: Công tác đầu tư tại Dự án thủy điện Nậm Thi 1 đã được triển khai theo kế hoạch nhưng vẫn còn chậm so với kế hoạch đã đề ra chủ yếu do một số yếu tố khách quan trong công tác giải phóng mặt bằng.

3 – Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Tài sản, nguồn vốn				
-	Tài sản dài hạn/TTS	Lần	0,83	0,91	
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	Lần	0,16	0,10	
-	Vốn CSH/Nguồn vốn	Lần	0,37	0,35	
2	Chỉ số nợ				
-	Nợ phải trả/ Tổng tài sản	Lần	0,62	0,64	
-	Nợ ngắn hạn/ Nợ phải trả	Lần	0,19	0,26	
3	Chỉ số thanh toán				

-	Tỷ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,41	0,52	
-	Tỷ số thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	Lần	1,40	0,51	
4	Chỉ số quản lý tài sản				
-	Vòng quay hàng tồn kho (DT/HTK) - lần/năm	Vòng			
-	Vòng quay Tổng tài sản (DT/TTS)	Vòng	0,05	0,11	
-	Vòng quay tài sản cố định (DT/TSCĐ)	Vòng	0,06	0,14	
5	Chỉ số hiệu quả hoạt động				
-	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%			
-	Tỷ suất lợi nhuận ròng /Vốn điều lệ (ROE)	%			
-	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH	%			
-	Tỷ suất lợi nhuận /Tổng tài sản (ROA)	%			

4 - Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán năm 2019: Kiểm toán đưa ra cơ sở ý kiến ngoài trừ việc Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản công nợ phải thu khó đòi và chưa ghi nhận đủ Nguyên giá giá trị tài sản cố định sau khi đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành do công trình chưa được quyết toán xong, dẫn đến việc chưa ghi nhận đầy đủ chi phí vào sản xuất kinh doanh trong kỳ.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá chung công tác quản lý của Công ty: -

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn và tài sản, quản lý đầu tư, quản lý chất lượng, quản lý lao động theo đúng các quy định Pháp luật Nhà nước, Quy định của điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Điều lệ và các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã ban hành và bổ sung thường xuyên, sửa đổi phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản trị doanh nghiệp. Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy luật kinh tế và trình độ năng lực quản lý của cán bộ được nâng cao đã phát huy tốt tính tự chủ, sáng tạo của bộ máy quản lý, điều hành các cấp và cán bộ công nhân viên.

- Trong quá trình hoạt động SXKD, HĐQT và bộ máy điều hành các cấp đã tuân thủ theo đúng các quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty...

2. Hoạt động của HĐQT năm 2019:

- Năm 2019 Công ty quản lý vận hành phát điện thương mại nhà máy thủy điện Nậm Thi 2, quyết toán thu hồi vốn tại các công trình mà đơn vị đã tham gia thi công và tập trung cho công tác đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1. HĐQT Công ty đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD, thực hiện quy chế dân chủ, tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với Nhà nước và các đối tác.

- HĐQT quản lý Công ty và thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo đúng các quy định của Pháp luật, quy định Điều lệ của Công ty.

- HĐQT Công ty đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc giải quyết các vướng mắc với các chủ đầu tư trong thanh quyết toán tại các công trình mà Công ty tham gia thi công, chỉ đạo việc quản lý vận

hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 an toàn và hiệu quả. Chỉ đạo và phối hợp với Ban Tổng giám đốc giải quyết các công việc để triển khai thi công dự án thủy điện Nậm Thi 1 kịp thời và theo đúng quy định, chính sách của pháp luật.

3. Các văn bản HĐQT đã ban hành năm 2019:

- Năm 2019 HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp HĐQT có mặt đầy đủ các thành viên HĐQT và đã ban hành tổng số 21 văn bản nghị quyết và quyết định các loại. Các văn bản do HĐQT ban hành đều đúng thẩm quyền, đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Văn bản ban hành đảm bảo tính khả thi và có hiệu lực cao trong việc tổ chức thực hiện. Trình tự ban hành văn bản đúng quy định, văn bản ban hành bằng hình thức HĐQT thông qua Nghị quyết, Quyết định tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.

- Tổng số các văn bản ban hành là 21 văn bản được định dạng như sau:
- Nghị quyết 20 văn bản và quyết định 01 văn bản
- Các thông báo, chỉ thị, báo cáo, phiếu xin ý kiến

4. Công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT:

- Công tác tổ chức cán bộ đã được HĐQT Công ty thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc vì nhiệm vụ SXKD và thực tế phát triển của đơn vị cũng như trình độ năng lực của cán bộ.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2019 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát gồm những thành viên hoạt động kiêm nhiệm, công tác phân tán nhưng đã thường xuyên trao đổi, xem xét đánh giá chính xác các hoạt động của đơn vị theo từng lĩnh vực được phân công.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp phân tích đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ, kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, các quy chế của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

- Kiểm tra xem xét báo cáo tài chính quý, năm do Tổng giám đốc và phòng tài chính kế toán lập; Cùng kiểm tra xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập tại Công ty.

6. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019:

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 18/4/2019, Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 đã thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

TT	Thù lao HĐQT và BKS	Số người	Mức chi theo NQ ĐHCĐ	Số thực tế phải chi trả
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	24.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	36.000.000	36.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	01	18.000.000	18.000.000
4	Thành viên ban kiểm soát	02	24.000.000	24.000.000
5	Thư ký	01	12.000.000	12.000.000
	Tổng cộng:		114.000.000	114.000.000

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán (Kèm theo báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán):

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2019: (Kèm theo báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán)

Các thông tin và báo cáo của Công ty được đăng tải trên Website của đơn vị theo địa chỉ:

Songda702.com.vn

Nơi gửi:

- UBCKNN
- Các thành viên HĐQT, BKS
- Lưu VP/HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bút

